

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH L**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2022/QĐST-HNGĐ

T, ngày 26 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**Về việc yêu cầu xác định con cho cha**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH L**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp:*** Bà Ngô Thị Thùy Diễm

***Thư ký phiên họp:*** Bà Dương Thị Thanh Hằng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên họp:*** Bà Nguyễn Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 324/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc “*Yêu cầu xác định con cho cha*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 107/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Ông A, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp 1 xã X, huyện Y, tỉnh L.

2/ Bà B, sinh năm 1986

Địa chỉ: 7/10 Khu phố 11, thị trấn TT, huyện T, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Cháu C (nữ), sinh ngày 14/02/2018

Người đại diện hợp pháp cho cháu C: Bà B, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 7/10 Khu phố 11, thị trấn TT, huyện T, tỉnh L.

2/ Ông D, sinh năm 1966

Địa chỉ: 58 Công Trường An Đông, Phường 9, Quận 5, thành phố H.

(ông A, bà B có mặt, ông D vắng mặt có đơn xin vắng)

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, người yêu cầu ông A trình bày:*

Vào năm 2017 ông quen biết, phát sinh tình cảm và có quan hệ tình dục với bà B. Thời gian đó bà B và ông D là vợ chồng hợp pháp. Đến ngày 14/02/2018 bà B sinh con đặt tên C, trong khai sinh số 30/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện T của cháu C, ghi tên cha là D, tên mẹ là B.

Tại Quyết định số: 328/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố H đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà B và ông D. Về con chung: Bà B và ông D thỏa thuận giao người con tên E (nam), sinh ngày 22/6/2009 cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao người con tên C (nữ), sinh ngày 14/02/2018 cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Vào tháng 5/2022 ông A và cháu C đến Trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam tiến hành giám định ADN. Tại Phiếu kết quả xét nghiệm ADN kết luận: Mẫu ADN ký hiệu A và mẫu ADN ký hiệu C CÓ quan hệ huyết thống Cha – Con, với tần suất 99,9999788%.

Nay ông yêu cầu xác định cháu C, sinh ngày: 14/02/2018, nơi cư trú: số 7/10 Khu phố 11, thị trấn TT, huyện T, tỉnh Long An là con ruột của ông. Ngoài ra, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

*Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, người yêu cầu bà B trình bày:* trước đây bà và ông D là vợ chồng, khoảng năm 2013-2014 bà và ông D không còn sống chung, bà sống ở huyện T còn ông D sống ở thành phố H. Đến năm 2017 bà quen biết, phát sinh tình cảm và có quan hệ tình dục với ông A. Vào ngày 14/02/2018 bà sinh cháu C, trong khai sinh cháu C, tên cha là D. Đến ngày 13/8/2018, tại Quyết định số: 328/2018/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố H đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà và ông D. Về con chung: giao người con tên C (nữ), sinh ngày 14/02/2018 cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Vào tháng 5/2022 ông A và cháu C đến Trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam tiến hành giám định ADN. Tại Phiếu kết quả xét nghiệm ADN kết luận: Mẫu ADN ký hiệu A và mẫu ADN ký hiệu C CÓ quan hệ huyết thống Cha – Con, với tần suất 99,9999788%.

Nay bà yêu cầu Tòa án xác định cháu C là con ruột của ông A.

*Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D trình bày:* trước đây ông và bà B là vợ chồng. Trong quá trình chung sống bà B có sinh con gái tên C, trong khai sinh tên cha ghi là D. Sau này ông mới biết cháu C không phải là con ruột của ông. Nay ông A và bà B yêu cầu Tòa án xác định cháu C là con của ông A thì ông cũng đồng ý và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:*

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm mở phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T căn cứ

vào Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án nhân dân huyện T chấp nhận yêu cầu của ông A và bà B về việc yêu cầu Tòa án xác định cháu C, sinh ngày: 14/02/2018 là con ruột của ông A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ AN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông A, Địa chỉ: ấp 1 xã X, huyện Y, tỉnh Long An và bà B, Địa chỉ: số 7/10 Khu phố 11, thị trấn TT, huyện T, tỉnh L yêu cầu Tòa án xác định cháu C, sinh ngày: 14/02/2018; Địa chỉ: số 7/10 Khu phố 11, thị trấn TT, huyện T, tỉnh L là con ruột của ông A nên Tòa án xác định đây là việc hôn nhân gia đình “**Yêu cầu xác định con cho cha**”. Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Tại phiên họp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Theo Giấy khai sinh số 30/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện T của cháu C, sinh ngày: 14/02/2018, ghi tên cha là D, tên mẹ là B. Trong quá trình giải quyết ông A, bà B đều xác định vào khoảng năm 2017 ông A và bà B quen biết, phát sinh tình cảm và có quan hệ tình dục với nhau, trong khi bà B và ông D đang là vợ chồng, đến ngày 14/01/2018 thì bà B sinh cháu C, trong khai sinh tên cha là ông D.

[2.2]. Ngoài ra, căn cứ theo Phiếu kết quả xét nghiệm ADN của Trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam kết luận: Mẫu ADN ký hiệu A và mẫu ADN ký hiệu C CÓ quan hệ huyết thống Cha – Con, với tần suất 99,9999788%. Ông A và bà B không có ý kiến gì đối với Phiếu kết quả xét nghiệm AND.

[2.3] Trước yêu cầu của bà B và ông A, ông D không có ý kiến gì.

[2.4] Tại phiên họp, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp cũng đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của ông A, bà B xác định cháu C là con ruột của ông A.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy việc ông A, bà B yêu cầu xác nhận cháu C là con của ông A là phù hợp quy định tại Điều 89, 91 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và lời đề nghị của Kiểm sát viên nên có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: ông A, bà B phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 6 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 và Điều 39; Điều 149; Điều 367, 369, 370, 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 14 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tư pháp;

Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 6 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông A và bà B về việc “**Xác định con cho cha**”.

2. Xác định cháu C, sinh ngày: 14/02/2018, Địa chỉ: số 7/10 Khu phố 11, thị trấn TT, huyện T, tỉnh L là con ruột của ông A, sinh năm: 1992, Địa chỉ: ấp 1 xã X huyện Y tỉnh L.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự: ông A, bà B phải chịu 300.000 đồng nhưng khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí ông A đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0002737 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh L. Người yêu cầu đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: người yêu cầu giải quyết việc dân sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp được quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND thị trấn TT;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP**

**Ngô Thị Thùy Diễm**

